TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 199/2018/DS-PT
Ngày: 12/11/2018
V/v:*"Tranh chấp chia di sản thừa kế"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phần - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Lễ
Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thúy Hà
Ông Khưu Để Dành
Thư ký tòa án: Ông Hà Huy Phong - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông: Dương Quy Thái - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong các ngày 07, 12 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 129/2018/TLPT-DS ngày 06 tháng 9 năm 2018 về việc*"Tranh chấp chia di sản thừa kế"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 87/2018/DS-ST ngày 01/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Ph, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 241/2018/QĐ-PT ngày 18/9/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1952; nơi cư trú: tổ 6, ấp L, xã M, huyện Châu Ph, tỉnh An Giang (chết theo giấy chứng tử ngày 08/10/2018 của Ủy ban nhân dân xã M).

Kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị S: Bà TUAN CHUI Y/ Đoàn Nguyễn Thùy D. Sinh ngày 12/12/1980, số hộ chiếu: 314066178.

Thường trú: số 7 ngõ 63, hẽm Đ, đoạn 6, đường S, khóm 12, thôn Sơn C, làng T, huyện Đài Tr, Đài Loan.

Tên tiếng Việt: Đoàn Nguyễn Thị Thùy D

Nơi tạm trú: ấp L, xã M, huyện Châu Ph, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Dương Văn Ngh, sinh năm 1964; địa chỉ: số 322, tổ 12, ấp B, xã Mỹ Kh, thành phố Long X, tỉnh An Giang *(theo Giấy ủy quyền ngày 15 tháng 10 năm 2018).*

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1963 (Vắng mặt).

2.2. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1965 (Vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: tổ 6, ấp L, xã M, huyện Châu Ph, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Trần Chí C, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp H, xã Ch, thị xã T, tỉnh An Giang *(Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).*

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1961. Địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện Châu Ph, tỉnh An Giang *(Có mặt).*

3.2. Bà Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1968, nơi cư trú: số 210, Thủ Khoa Huân, phường Châu B, thành phố Châu Đ, tỉnh An Giang *(có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).*

3.3. Ủy ban nhân dân huyện Châu Ph có trụ sở tại: ấp V, thị trấn Cái D, huyện Châu Ph, An Giang do ông Nguyễn Văn L - Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện Châu Ph đại diện theo ủy quyền *(có đơn xin xét xử vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị S: Bà TUAN CHUI Y/ Đoàn Nguyễn Thùy D (Tên tiếng Việt: Đoàn Nguyễn Thị Thùy D) đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông Dương Văn Ngh trình bày: Tiếp tục yêu cầu khởi kiện bị đơn xin chia thừa kế, nguồn gốc đất là của ông Nội của bà Nguyễn Thị S là cụ Nguyễn Văn C chết năm 1992 có để lại cho cha bà S là ông Nguyễn Văn Ng di sản gồm: 01 căn nhà và phần đất diện tích hơn 3.000m^2 (gồm đất thổ cư, đất vườn và đất ao). Bà Hồ Thị Ch (vợ ông Ng) đã chết từ năm 1982 nên nhà và đất do ông Ngượt quản lý cùng với các con là Nguyễn Thị Sương, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn Th và Nguyễn Thị Ánh T sống cùng gia đình. Khi lớn lên bà Sương lập gia đình và sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh, bà T lập gia đình và sinh sống tại Châu Đ; ông So có vợ về sinh sống bên vợ; trong nhà chỉ còn lại bà Mách và ông Th sống chung với ông Ng.

Năm 2005, ông Th, bà M, ông S kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện Châu Ph cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ), cụ thể: ông Nguyễn Văn Th được cấp phần đất diện tích 780,30m^2, bà Nguyễn Thị Mách được cấp phần đất diện tích 572,2m^2, ông Nguyễn Văn S được cấp phần đất 1812,4m$^{2.}$, khi kê khai không có ký kiến của ông Ng, còn bà S thì không hề hay biết, phần đất ông Th được cấp giấy thì trên đất có căn nhà của ông Ng; bà M được cấp GCNQSDĐ và đất có quán cà phê của ông So để lại, bà M sử dụng từ năm 2007 đến nay; ông So được cấp GCNQSDĐ phần đất vườn, ao nằm phía sau căn nhà của ông Th.

Năm 2007, bà S về sống chung gia đình với ông Ng và có chi tiền để sửa chữa lại căn nhà cho ông Ng cho đến khi ông Ngượt chết thì căn nhà trên ông Th quản lý và sống trong căn nhà nầy cho đến nay.

Năm 2009, ông Ng có cho bà S phần đất để xây cất căn nhà nằm phía sau tiệm tạp hóa của bà M (một phần trên đất quán cà phê của ông S trước đây).

Năm 2014, ông Ng mất không để lại di chúc, nhưng khi còn sống ông Ng có cho bà S diện tích đất ngang 5m, dài khoảng 45m, trong đó có căn nhà bà Sương xây cất và một phần đất có căn nhà bán tạp hóa của bà M đang sử dụng. Bà Mách không đồng ý tách giao diện tích đất trên cho bà S, nên từ đó bà S yêu cầu chia thừa kế di sản của ông Ng gồm: diện tích đất do bà M, ông Th đứng tên, riêng diện tích đất vườn, ao của ông S đứng tên, căn nhà ông Th đang ở, bà không yêu cầu và

đòi số tiền mà bà đã chi cho việc sửa nhà cho ông Ng trước đây, không yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Th, bà M.

Bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: nguồn gốc đất là của cụ C, khi cụ C còn sống thì bà, ông S, ông Th sống chung cùng nhà với cụ Cừ và cha bà là ông Ngượt; năm 1990 cụ C có cho bà diện tích đất ngang 8m, dài 70m, để xây dựng nhà ở, năm 2002 Nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ông Ng đồng ý, bà cùng với ông S và ông Th kê khai đăng ký, bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 572,2m^2, ông So được cấp quyền sử dụng đất diện tích 1.812,4 m^2 và ông Th được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 780,3m^2. Năm 2010, bà có cho bà S cất nhà ở nhờ trên phần đất diện tích của bà đã được cấp giấy, khi mượn bà Sương có hứa khi nào không có nhu cầu sử dụng tiếp hoặc chết thì trả lại đất cho bà, cha bà ông Ng không có cho bà S phần đất ngang 5m, dài 45m như bà S trình bày. Bà không đồng ý yêu cầu xin chia thừa kế của bà S vì đất bà đã đứng tên quyền sử dụng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Th trình bày: nguồn gốc đất diện tích 1.325m^2 do ông và bà M đứng tên và căn nhà ông đang sử dụng là do ông nội của ông là cụ Nguyễn Văn C cho cha ông, ông được sinh ra lớn lên sống chung trong căn nhà cùng với ông C và ông Ng. Sau khi cụ C mất, ông được ông Ng cho đất và được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có ai khiếu nại hoặc tranh chấp. Nay bà S khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với đất này ông không đồng ý.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị Ánh T trình bày: thống nhất theo lời trình bày của bà M, ông Th; thống nhất nguồn gốc đất là của ông nội là cụ C để lại cho cha bà, cha cho lại ông Th, bà M và ông S, bà không đồng ý, tranh chấp việc xin chia thừa kế với các tài sản trên.

+ Ông Nguyễn Văn S trình bày: thống nhất theo nội dung và yêu cầu chia thừa kế như lời trình bày của bà S, nguồn gốc đất là do cụ C cho cha ông là ông Ng. Khi cha ông còn sống chưa chia đất, ông và ông Th, bà M đại diện đứng tên trên giấy CNQSDĐ thay cho cha ông chứ không phải cho đất. Cha ông chết năm 2014 không để lại di chúc, nay ông yêu cầu chia thừa kế tài sản như bà S, đối với diện tích đất hiện do ông Th và bà M đứng tên quyền sử dụng đất. Riêng phần diện tích đất do ông đứng tên nếu trong hàng thừa kế có yêu cầu chia thì ông cũng đồng ý chia, nhưng phải tính chi phí cải tạo đất cho ông.

+ Ủy ban nhân dân huyện Châu Ph do ông Nguyễn Văn L trình bày: diện tích đất tranh chấp thừa kế giữa bà S, ông S, bà M, ông Thum, đã được Ủy ban nhân dân huyện Châu Ph cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Thum, bà M, ông S là đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 87/2018/DS-ST ngày 01/6/2018 Tòa án nhân dân huyện Châu Ph đã xét xử:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 217, 218, khoản 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế tài sản của bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn S.

- Xác định di sản của cụ Ng được chia theo yêu cầu của bà S, ông S gồm:

+ Diện tích đất 572,2m^2, số thửa 99, tờ bản đồ số 10 theo GCNQSDĐ số H00939/hF ngày 10/11/2005 do bà Nguyễn Thị M đứng tên có vị trí mặt tiền tiếp giáp quốc lộ 91 từ hướng Châu Đ - Long X mặt tiền chiều ngang 8.17m, mặt hậu chiều ngang 7.62m, dài 70,31m tính từ vị trí số 1 đến ranh trụ đá số 22 mặt hậu theo bản đồ đo đạc khu đất ngày 04/7/2016 và bản đồ đo đạc bổ sung khu đất ngày 10/11/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Châu Ph.

+ Diện tích đất 780,30m^2, số thửa 100, tờ bản đồ số 10 theo GCNQSDĐ số 03965/QSDĐ/hF ngày 26/02/2004 do bà Nguyễn Văn Th đứng tên có vị trí mặt tiền tiếp giáp quốc lộ 91 từ hướng Châu Đ - Long X mặt tiền chiều ngang 11.26m, mặt hậu chiều ngang 10.58m, dài 70,31m giáp ranh liền kề với đất bà M đứng tên quyền sử dụng đất theo bản đồ đo đạc khu đất ngày 04/7/2016 và bản đồ đo đạc bổ sung khu đất ngày 10/11/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Châu Phú.

- Di sản thừa kế được chia cho 05 kỷ phần gồm: bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Ánh T, ông Nguyễn Văn Th, mỗi kỷ phần được chia là: diện tích 264,58m^2.

- Công nhận sự tự nguyện của bà S và ông S nhận chia mỗi người 227,45m^2, phần diện tích đất được chia thừa lại là 74,26m^2 của bà S, ông S diện tích giao cho bà M sử dụng.

- Bà S được chia 227, 45m^2. Trong đó chiều ngang mặt tiền 3,235m, mặt hậu 3,235m, chiều dài 70,31m mặt tiền tiếp giáp quốc lộ 91 từ hướng Châu Đ - Long X tính từ vị trí số 1 đến ranh trụ đá số 22 mặt hậu theo bản đồ đo đạc khu đất ngày 04/7/2016 và bản đồ đo đạc bổ sung khu đất ngày 10/11/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Châu Ph.

- Ông S được chia 227,45m^2. Trong đó chiều ngang mặt tiền 3,235m, mặt hậu 3,235m, chiều dài 70,31m mặt tiền tiếp giáp quốc lộ 91 từ hướng Châu Đ - Long X mặt tiền và mặt hậu giáp ranh liền kề với đất của bà S theo bản đồ đo đạc khu đất ngày 04/7/2016 và bản đồ đo đạc bổ sung khu đất ngày 10/11/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Châu Ph.

- Bà T được chia 264,58m^2. Trong đó chiều ngang mặt tiền 3,886m, mặt hậu 3,64m, chiều dài 70,31m mặt tiền tiếp giáp quốc lộ 91 từ hướng Châu Đ - Long X có chiều dài 70,31m mặt tiền và mặt hậu giáp ranh liền kề với đất bà M theo bản đồ đo đạc khu đất ngày 04/7/2016 và bản đồ đo đạc bổ sung khu đất ngày 10/11/2016

của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Châu Ph. Bà T không yêu cầu chia, nên kỷ phần bà T hiện do ông Th quản lý tiếp tục giao ông Th quản lý.

- Ông Th được chia 227,45m^2. Trong đó chiều ngang mặt tiền 3,886m, mặt hậu 3,64m, chiều dài 70,31m mặt tiền tiếp giáp quốc lộ 91 từ hướng Châu Đ - Long X có chiều dài 70,31m mặt tiền và mặt hậu giáp ranh liền kề với bà T theo bản đồ đo đạc khu đất ngày 04/7/2016 và bản đồ đo đạc bổ sung khu đất ngày 10/11/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Châu Ph.

Tổng cộng ông Th được chia: 529.16m^2 bao gồm kỷ phần của bà T. Trong đó chiều ngang mặt tiền 7,772m, chiều ngang mặt hậu 7,28m, có chiều dài 70,31m mặt tiền và mặt hậu giáp ranh liền kề với bà M theo bản đồ đo đạc khu đất ngày 04/7/2016 và bản đồ đo đạc bổ sung khu đất ngày 10/11/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Châu Ph.

Bà M có trách nhiệm di dời nhà sang phần đất được chia để giao phần đất cho ông S, bà S theo mỗi kỷ phần đã được chia nêu tên. Các đương sự có quyền xin kê khai đăng ký quyền sử dụng đất đã được chia theo quy định luật đất đai.

Giao phần đất diện tích 1.812,4m^2, số thửa 03, tờ bản đồ số 13, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00970hF ngày 10/11/2005 cho ông So tiếp tục tạm quản lý, khi nào các đồng thừa kế có yêu cầu chia sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 09/6/2018, bị đơn Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn Th kháng cáo, nội dung đề nghị xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, với lý do đất có nguồn gốc từ cụ Cừ, đã được cha là ông Nguyễn Văn Ng cho và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo quy định nên không phải là di sản thừa kế và yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn bà S và yêu cầu độc lập của ông S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của các bị đơn Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn Th nộp trong hạn luật định, có đóng tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận.

Riêng đối với bà Nguyễn Thị S giai đoạn xét xử phúc thẩm do bà S chết nên căn cứ vào Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, đưa con bà S Tuan Chui Y/Đoàn Nguyễn Thuỳ D (tên tiếng Việt là Đoàn Nguyễn Thị Thuỳ D vào tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không rút yêu cầu phản tố. Các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung: Tài sản đang tranh chấp thừa kế có tổng diện tích 3.164,9m^2 giữa các bên có nguồn gốc từ cụ C để lại. Bà M cho rằng bà được cụ C cho cất nhà

và được ông Ng đồng ý chia đất năm 1990, năm 2002 bà Mách, ông Th, ông S đi đăng ký kê khai và được cấp quyền sử dụng đất như sau: ông Nguyễn Văn Th được cấp phần đất diện tích 780,30m^2, bà Nguyễn Thị M được cấp phần đất diện tích 572,2m^2, ông Nguyễn Văn S được cấp phần đất 1812,4m^2, năm 2010 bà M có cho bà S cất nhà ở nhờ trên đất, còn ông Th thì cho rằng diện tích đất ông được cha là ông Ng cho. Năm 2014 ông Ng mất không để lại di chúc, bà S thì cho rằng khi còn sống ông Ng có cho bà S diện tích đất ngang 5m, dài khoảng 45m, trong đó có căn nhà bà S xây cất và một phần đất có căn nhà bán tạp hóa của bà M đang sử dụng. Bà M không đồng ý tách giao diện tích đất trên cho bà S, nên từ đó bà S yêu cầu chia thừa kế di sản của ông Ng gồm: diện tích đất do bà M, ông Th đứng tên, riêng diện tích đất vườn, ao của ông So đứng tên, căn nhà ông Th đang ở, không yêu cầu đòi số tiền mà bà đã chi cho việc sửa nhà cho ông Ngượt trước đây, không yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Th, bà M.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của các Thẩm phán và Thư ký Tòa án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm như: Thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm theo đúng quy định Điều 285; đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm theo Điều 286; yêu cầu đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ theo Điều 287; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm theo đúng quy định tại Điều 290 và triệu tập những người tham gia xét xử phúc thẩm theo Điều 294 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của thành viên Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, phạm vi xét xử phúc thẩm và thủ tục phiên tòa.

Đối với các đương sự, từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay được thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: nguồn gốc diện tích đất 3.000m^2 gồm đất thổ cư, đất vườn, đất ao, trên đất có 01 căn nhà tường xưa của ông, bà để lại đang tranh chấp, tọa lạc xã Mỹ P, huyện Châu Ph, tỉnh An Giang do ông Nguyễn Văn Ng thừa hưởng từ cụ Nguyễn Văn C (chết năm 1992, là ông nội của các bên); ông Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1927 (chết 2014), bà Hồ Thị Ch, sinh năm 1927 (chết 1982), có 05 người con, gồm Nguyễn Thị S, sinh năm 1952, Nguyễn Văn S, sinh năm 1961, Nguyễn Thị M, sinh năm 1963, Nguyễn Văn Th, sinh năm 1965, Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1968.

Thời gian cụ C để lại tài sản cho ông Ng thì bà Hồ Thị Ch (vợ ông Ng) đã chết từ năm 1982 nền nhà và đất do ông Ng quản lý cùng với các con. Sau đó, bà S lập gia đình về sống tại thành phố Hồ Chí Minh; bà T lập gia đình về sống tại Châu Đ, tỉnh An Giang, còn ông S lập gia đình về sống bên vợ, trong nhà chỉ còn lại bà M và ông Th sống chung với cụ C, ông Ng.

Năm 2002, ông Th, bà M, ông S kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, nguồn

gốc đất do cha ông Nguyễn Văn Ng cho con thì đến năm 2004, ông Nguyễn Văn Th được Ủy ban nhân dân huyện Châu Ph cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03965/QSDĐ/hF, diện tích 780,30m^2, thuộc thửa số 100, tờ bản đồ số 10, trên đất có căn nhà của ông Ng. Năm 2005, bà Nguyễn Thị M được Ủy ban nhân dân huyện Châu Ph cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số H00939/hF, diện tích 572,2m^2, thuộc thửa số 99, tờ bản đồ số 10 và ông Nguyễn Văn S được Ủy ban nhân dân huyện Châu Ph cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00970/hF, diện tích 1.812,4m^2 thuộc thửa số 03, tờ bản đồ số 13.

Năm 2007, bà S trở về sống chung với gia đình và có cất 01 căn nhà trên phần đất của bà M để ở.

Năm 2014, ông Ng chết không để lại di chúc. Tháng 02/2014, bà S tranh chấp và được UBND xã Mỹ P hòa giải nhiều lần nhưng không thành.

Ngày 30/9/2015, bà Nguyễn Thị S khởi kiện yêu cầu chia di dản thừa kế của ông Ng để lại đối với diện tích 1.352m^2, không yêu cầu chia căn nhà và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03965 QSDĐ/hF ngày 26/02/2004 cấp cho Nguyễn Văn Th và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00939/hF ngày 10/11/2005 cấp cho Nguyễn Thị M đứng tên.

Ngày 10/12/2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Ph thụ lý vụ án. Ngày 10/6/2016, Tòa án nhân dân huyện Châu Ph ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án, lý do cần đợi kết quả đo đạc của cơ quan chuyên môn.

Ngày 08/11/2017, bà S xác định lại yêu cầu là chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với 02 phần đất do ông Th, bà M đứng tên và hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng của ông Th và của bà M đứng tên; không yêu cầu chia phần đất do ông S đứng tên và không yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng của ông So.

Ngày 29/11/2016, Tòa án nhân dân huyện Châu Ph ra quyết định chuyển vụ án đến Tòa án tỉnh An Giang để giải quyết theo thẩm quyền vì có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 07/02/2017, Tòa án tỉnh An Giang thụ lý vụ án. Ngày 14/4/2017, Tòa án tỉnh An Giang ra quyết định chuyển vụ án đến Tòa án nhân dân huyện Châu Ph và ngày 25/4/2017, Tòa án nhân dân huyện Châu Ph thụ lý lại vụ án.

Quá trình thụ lý lại vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phía nguyên đơn không yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng của ông Th, bà M, đến ngày 06/10/2018, bà Nguyễn Thị Sương chết. Ngày 11/10/2018, Tòa án tỉnh An Giang ra thông báo số 1138, đưa Tuan Chui Y (Đoàn Nguyễn Thị Thùy D), sinh năm 1980, đang định cư tại Đài Loan, Trung Quốc tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà S.

Xét thấy: nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Nguyễn Văn C để lại cho ông Nguyễn Văn Ng thừa hưởng. Năm 1982, bà Hồ Thị Ch (vợ ông Ng) chết nên nhà và đất do ông Ng cùng các con tiếp tục quản lý, sử dụng liên tục cho đến nay.

Năm 1992, cụ C chết không để lại di chúc. Năm 2002, ông Th, bà M, ông So kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, khai rõ nguồn gốc đất do cha ông Nguyễn Văn Ng cho con, thì thời gian này ông Ng đang sinh sống trong căn nhà cùng với ông

Th, bà M, ông S và ông Ng cũng không ý kiến tranh cản và cũng không ai khiếu nại, tranh chấp trong thời gian dài từ năm 2002 đến khi ông Ng chết vào năm 2014. Hơn nữa, theo thừa nhận của bà S vào năm 2007, đã về trên đất này, sinh sống và cất nhà ở nhưng cũng không có ý kiến, khiếu nại đến khi ông Ng chết năm 2014, mới đứng ra tranh chấp. Bên cạnh đó, theo anh Nguyễn Văn D, trước đây công tác tại ban ấp Mỹ L, xã Mỹ Ph, xác nhận *thời điểm năm 2001 đến năm 2002 theo sự phân công của ban ấp Mỹ L, xã Mỹ Ph thì Dũng có đến khu vực đất chứng kiến việc ông Nguyễn Văn Ng chia đất cho các con để kê khai, đăng ký với nhà nước để các hộ tứ cận ký tên vào biên bản đo đạc ranh giới sử dụng đất*. Từ đó cho thấy, thời điểm ông Ng còn sống là người có tài sản, đã định đoạt tài sản là quyền sử dụng đất của mình cho các con, gồm Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thị M và Nguyễn Văn S cho nên ông Th, bà M, ông S kê khai, đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện Châu Ph cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng theo quy định của pháp luật đất đai và đây là tài sản riêng của ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn S đã được cha là ông Nguyễn Văn Ng tặng cho nên đây không phải là di sản của ông Nguyễn Văn Ng sau khi chết để lại.

Bản án sơ thẩm đã xác định các tài sản do ông Th, bà M, ông S đứng tên là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Ng và đã quyết định phân chia di sản thừa kế là không chính xác. Vì vậy, các bị đơn ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị M kháng cáo là có căn cứ để chấp nhận.

Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Châu Ph và bác đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà S là Tuan Chui Y (Đoàn Nguyễn Thị Thùy D) về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Ng.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn S, cho rằng ông So cùng với ông Th, bà M chỉ đứng tên giấy CNQSDĐ dùm cho cha là ông Nguyễn Văn Ng và đồng ý đưa 03 diện tích đất này để chia thừa kế theo pháp luật. Xét thấy, tại đơn đăng ký quyền sử dụng đất của ông S, ông Th, bà M vào năm 2002 đều kê khai nguồn gốc đất do cha ông Nguyễn Văn Ng cho con và nếu như cho rằng ông Ng chưa định đoạt tài sản của mình cho ai thì tại thời điểm ông Th, bà M, ông S kê khai, đăng ký đất vào năm 2002 thì ông So cũng như các đồng thừa kế khác có quyền thống nhất đăng ký, kê khai chung toàn bộ khu đất để cho cha mình là ông Nguyễn Văn Ng đứng tên thì các anh em của ông vẫn bảo đảm quyền lợi thừa kế tài sản khi ông Ng chết. Do đó, việc khai nại của ông S là không có cơ sở.

Về phần án phí sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị S, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà S là Tuan Chui Y (Đoàn Nguyễn Thị Thùy D) và các đương sự trong vụ án không phải chịu án phí chia thừa kế; các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử: Chấp nhận kháng cáo của các bị đơn; sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 87/2018/DS-ST ngày 01/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu

Ph, về không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà S là Tuan Chui Y (Đoàn Nguyễn Thị Thùy D) về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Ngt; về phần án phí sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị S kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà S là Tuan Chui Y (Đoàn Nguyễn Thị Thùy D) và các đương sự trong vụ án không phải chịu án phí chia thừa kế.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn Th kháng cáo, nội dung đề nghị xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, với lý do đất có nguồn gốc từ cụ C, đã được cha là ông Nguyễn Văn Ng cho và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo quy định nên không phải là di sản thừa kế và yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn bà S và yêu cầu độc lập của ông S.

Hội đồng xét xử nhận xét về vụ án như sau: nguồn gốc đất diện tích 3.164,9m^2 các đương sự điều thừa nhận là của cụ Nguyễn Văn C, cụ Nguyễn Thị B để lại, cụ Biếu mất 1953, cụ C mất vào năm 1992, các hàng thừa kế của cụ C, cụ B gồm có 05 người con (Bút lục 132).

1/ Nguyễn Văn H, sinh năm 1925 mất năm 2000.

Các con của ông H gồm có: Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Ngọc T (Ph),Nguyễn Văn S

2/ Nguyễn Văn Ng (Ng), sinh năm 1927 mất năm 2014.

Các con của ông Ng gồm có: Nguyễn Thị S, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thị T.

3/ Nguyễn Thị Nh , sinh năm 1929, mất năm 2006.

Các con bà Nh gồm có: Trần Thị Ch, Trần Văn Ch, Trần Ngọc Đ, Trần Thị T, Trần Ngọc B, Trần Thị L, Trần Văn H, Trần Văn H.

4/ Nguyễn Văn X (chết lúc nhỏ chưa có gia đình).

5/ Nguyễn Thị Nh sinh năm 1940, mất năm 2010.

Các con bà Nh gồm có: Nguyễn Thị Ánh H (B), Nguyễn Văn Gh, Nguyễn Văn L.

Hồ sơ tại bút lục số 130 thể hiện trước đây ông Nguyễn Văn Ng (Ng) cùng vợ là bà Hồ Thị Ch cùng các con sống nhờ trên phần đất của ông Nguyễn Thành Th, từ năm 1961 đến năm 1982 vợ ông Ng là bà Ch mất, ông Ng cùng các con tiếp tục ở trên đất của ông Th đến năm 1985 mãn tang bà Ch ông C mới kêu ông Ng về chung sống với cụ C tại căn nhà ông đang ở, cách đất ông Th 200m, và ông Ng trả đất lại cho ông Th. Nhưng cụ C vẫn quyết định về tài sản gồm đất và nhà đó.

Năm 1976 bà S lập gia đình và theo chồng sống trên thành phố Hồ Chí Minh, còn bà T đến năm 1989 lập gia đình và theo chồng sống ở Châu Đốc, còn lại trong nhà gồm có ông S, bà M, ông Th tiếp tục sống chung cùng cụ C, ông Ng.

Vào năm 1990 bà Nguyễn Thị M ra cất nhà ở riêng trên diện tích 780,3m^2. Diện tích còn lại và căn nhà ông S, ông Th, ông Ng (Ng) sống trong căn nhà hiện ông Th quản lý, đến năm 1992 cụ C mất như vậy căn cứ vào khoản 1, Điều 36 pháp lệnh về thừa kế năm 1990 quy định: “Trong thời hạn mười năm, kể từ thời điểm mở

thừa kế, người thừa kế có quyền khởi kiện để yêu cầu chia di sản, xác nhận quyền thừa kế của mình, hoặc bác bỏ quyền thừa kế của người khác..” di sản của cụ C để lại có thời hiệu đến năm 2002, nhưng trong thời gian này các thừa kế của cụ C không tranh chấp xem như thời hiệu khởi kiện chia di sản của cụ C đã hết. Năm 1990 bà Nguyễn Thị M ra cất nhà ở riêng trên diện tích 780,3m^2 , cụ C vẫn còn sống và được sự đồng ý của cụ C, cụ C không có ý kiến phản đối việc bà Mách cất nhà, và kể cả sau khi cụ C chết, Diện tích 3.164,9m^2, căn nhà là di sản thừa kế của cụ C để lại hết thời hiệu chia thừa kế đã hết, Được quy định tại Án lệ số 16/2017/AL: “Về công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là di sản thừa kế do một trong các đồng thừa kế chuyển nhượng”.

Được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2017 và được công bố theo Quyết định số 299/QĐ-CA ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Tại tiểu mục 2.4 mục 2 phần I của Nghị quyết số 02/2004/NQHĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì không đủ điều kiện chia tài sản chung thì phần diện tích đất nầy ai đang quản lý sử dụng thì được tiếp tục sử dụng, như vậy từ năm 1992 đến năm 2004 do ông Ng, bà M, ông S, ông Th là người trực tiếp quản lý di sản, nhưng ông Ngượt cũng không tranh chấp, đến năm 2002 ông Th, bà M, ông S kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, khai rõ nguồn gốc đất do cha ông Nguyễn Văn Ng cho con, thì thời gian này ông Ngượt đang sinh sống trong căn nhà cùng với ông Th, ông S và ông Ng cũng không ý kiến tranh cản và cũng không ai khiếu nại, tranh chấp trong thời gian dài từ năm 2002 đến khi ông Ng chết vào năm 2014.

Án lệ số 03/2016/AL quy định: Trường hợp cha mẹ đã cho vợ chồng con một diện tích đất và vợ chồng người con đã xây dựng nhà kiên cố trên diện tích đất đó để làm nơi ở, khi vợ chồng xây dựng thì cha mẹ và những người khác trong gia đình không có ý kiến phản đối gì; Vợ chồng người con đã sử dụng nhà, đất liên, công khai ổn định và đã tiến hành việc kê khai đất, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phải xác định vợ chồng người con đã được tặng cho quyền sử dụng đất. Được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Hơn nữa, theo thừa nhận của bà Sương vào năm 2007, đã về trên đất này, sinh sống và cất nhà ở nhưng cũng không có ý kiến, khiếu nại đối với việc quyền sử dụng đất do bà M đứng tên đến khi ông Ng chết năm 2014, mới đứng ra tranh chấp. Bên cạnh đó, theo anh Nguyễn Văn D, trước đây công tác tại ban ấp Mỹ L, xã Mỹ P, xác nhận thời điểm năm 2001 đến năm 2002 theo sự phân công của ban ấp Mỹ L, xã Mỹ P thì D có đến khu vực đất chứng kiến việc ông Nguyễn Văn Ng chia đất cho các con để kê khai, đăng ký với Nhà nước để các hộ tứ cận ký tên vào biên bản đo đạc ranh giới sử dụng đất. Từ đó cho thấy, thời điểm ông Ng còn sống là người có tài sản, đã định đoạt tài sản là quyền sử dụng đất của mình cho các con, gồm Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thị M và Nguyễn Văn S cho nên ông Th, bà M, ông So

kê khai, đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện Châu Ph cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng theo quy định của pháp luật đất đai và đây là tài sản riêng của ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn S đã được cha là ông Nguyễn Văn Ng tặng cho nên đây không phải là di sản của ông Nguyễn Văn Ngượt sau khi chết để lại. Lời khai của ông D còn phù hợp với lời khai của bà Nguyễn Thị Ánh T (Bút lục 165). Diện tích 3.164,9m^2, căn nhà là di sản thừa kế của cụ C để lại hết thời hiệu chia thừa kế. Bản án sơ thẩm đã xác định các tài sản do ông Th, bà M, ông S đứng tên là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Ng và đã quyết định phân chia di sản thừa kế là không chính xác. Vì vậy, các bị đơn ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị M kháng cáo là có căn cứ để chấp nhận. Đối với căn nhà hiện ông Th đang ở các đương sự không yêu cầu tranh chấp để chia, nên cấp sơ thẩm không xem xét và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm cũng không xem xét.

Đối với căn nhà của bà S trong quá trình giải quyết vụ án bà M có trình bày là để cho bà S ở không yêu cầu tháo dỡ, hiện nay bà S đã mất, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà S Bà TUAN CHUI Y/ Đoàn Nguyễn Thùy D hiện đang định cư ở Trung Quốc, theo trình bày của người đại diện cho nguyên đơn thì con của bà D còn nhỏ khoảng 8 tuổi có thời gian về sống với bà S nhưng vẫn còn mang quốc tịch Trung Quốc, ở cấp sơ thẩm chưa xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn S, cho rằng ông S cùng với ông Th, bà M chỉ đứng tên giấy CNQSDĐ dùm cho cha là ông Nguyễn Văn Ng và đồng ý đưa 03 diện tích đất này để chia thừa kế theo pháp luật. Xét thấy, tại đơn đăng ký quyền sử dụng đất của ông S, ông Th, bà M vào năm 2002 đều kê khai nguồn gốc đất do cha ông Nguyễn Văn Ng cho con và nếu như cho rằng ông Ngt chưa định đoạt tài sản của mình cho ai thì tại thời điểm ông Th, bà M, ông S kê khai, đăng ký đất vào năm 2002 thì ông S cũng như các đồng thừa kế khác có quyền thống nhất đăng ký, kê khai chung toàn bộ khu đất để cho cha mình là ông Nguyễn Văn Ng đứng tên thì các anh em của ông vẫn bảo đảm quyền lợi thừa kế tài sản khi ông Ng chết. Do đó, việc khai nại của ông S là không có cơ sở.

Hội đồng xét xử đã phân tích về nội dung vụ án và áp dụng các Điều luật nghĩ nên chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn Th. Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Châu Ph và bác đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà S là Tuan Chui Ya (Đoàn Nguyễn Thị Thùy D) và phản tố của ông Nguyễn Văn S về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Ng.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, thẩm định do Bà S, ông S đã nộp tạm ứng và thanh toán xong.

+ Về án phí: Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà S là Tuan Chui Y (Đoàn Nguyễn Thị Thùy D) và ông Nguyễn Văn So không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà S là Tuan Chui Y (Đoàn Nguyễn Thị Thùy D) và ông Nguyễn Văn S mỗi người được nhận lại 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí mỗi người đã nộp theo các biên lai thu số

TU/2015 0008723, ngày 10/12015, TU/2015 0008754, ngày 27/01/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Ph.

Bà Nguyễn Thị M được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0002159 ngày 12/6/2018, ông Nguyễn Văn Th được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0002160 ngày 12/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Ph, tỉnh An Giang

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 36 pháp lệnh thừa kế năm 1990 và Điều 645 Bộ luật dân sự năm 2005;

Án lệ số 03/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Án lệ số 16/2017/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2017 và được công bố theo Quyết định số 299/QĐ-CA ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Tiểu mục 2.4 mục 2 phần I của Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10-8-2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối.

Áp dụng Điều 74, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Phúc Xử:

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn Th.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 87/2018/DS-ST ngày 01/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Ph.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà S là Tuan Chui Y (Đoàn Nguyễn Thị Thùy D), ông Nguyễn Văn S về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Ng.

+ Về chi phí tố tụng định giá, đo đạc, thẩm định do bà S, ông S đã nộp tạm ứng và thanh toán xong

+ Về án phí: Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà S là Tuan Chui Y (Đoàn Nguyễn Thị Thùy D) và ông Nguyễn Văn S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà S là Tuan Chui Y (Đoàn Nguyễn Thị Thùy D) và ông Nguyễn Văn S mỗi người được nhận lại 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí mỗi người đã nộp theo các biên lai thu số TU/2015 0008723, ngày 10/12015, TU/2015 0008754, ngày 27/01/2016.

Bà Nguyễn Thị M được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0002159 ngày 12/6/2018, ông Nguyễn Văn Th được nhận lại

300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0002160 ngày 12/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Ph.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 12/11/2018).

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Toà án nhân dân huyện Châu Ph;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Ph;
- Hồ sơ vụ án,
- Văn phòng Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Minh Lễ